

BỘ XÂY DỰNG-TRỌNG
TÀI KINH TẾ NHÀ NƯỚC
Số: 29/QĐ/LB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 1 tháng 6 năm 1992

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy chế về hợp đồng kinh tế trong xây dựng cơ bản

LIÊN BỘ: BỘ XÂY DỰNG - TRỌNG TÀI KINH TẾ NHÀ NƯỚC

Căn cứ pháp lệnh Hợp đồng kinh tế, ngày 25-9-1989 của Hội đồng Nhà nước và Nghị định số 17/HĐBT ngày 16-1-1990 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh hợp đồng kinh tế;

Căn cứ Điều lệ quản lý xây dựng cơ bản, ban hành kèm theo Nghị định số 385/HĐBT ngày 07-11-1990 của Hội đồng Bộ trưởng;

Để bảo đảm các quan hệ kinh tế cũng như trách nhiệm, quyền hạn, lợi ích của bên giao thầu và bên nhận thầu các công trình xây dựng thuộc nguồn vốn do Nhà nước quản lý,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: - Ban hành kèm theo quyết định này bản Quy chế về hợp đồng kinh tế trong xây dựng cơ bản.

Điều 2: - Bản Quy chế này áp dụng thống nhất trong cả nước từ ngày 1-7-1992. Các văn bản về ký kết hợp đồng trong xây dựng cơ bản do các ngành, địa phương quy định trước ngày ban hành Quyết định này, nay không còn hiệu lực thi hành.

Điều 3- Các Bộ, Ủy ban Nhà nước và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào bản Quy chế này để hướng dẫn chi tiết những điều khoản cho phù hợp với đặc điểm xây dựng của từng chuyên ngành hoặc của địa phương. Những nội dung của văn bản hướng dẫn không được trái với nội dung của bản Quy chế này.

QUY CHẾ

VỀ HỢP ĐỒNG KINH TẾ TRONG XÂY DỰNG CƠ BẢN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 29 QĐ/LB ngày 01 tháng 06 năm 1992

của Liên Bộ Bộ Xây dựng - Trọng tài kinh tế Nhà nước)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Việc giao thầu và nhận thầu: các công việc về xây dựng (bao gồm khảo sát xây dựng; thiết kế quy hoạch xây dựng; lập dự án đầu tư; lập luận chứng kinh tế - kỹ thuật; san đào đất đá, xây dựng; lắp đặt thiết bị; chế tạo các kết cấu xây dựng...) và các công trình xây dựng (bao gồm: xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, trùng tu...) thuộc nguồn vốn do Nhà nước quản lý (bao gồm: vốn ngân sách, vốn tín dụng đầu tư, vốn tự bổ sung của các đơn vị, vốn vay nước ngoài, vốn viện trợ và các nguồn vốn khác do Nhà nước quản lý) đều phải thực hiện việc ký kết hợp đồng kinh tế theo các quy định của bản Quy chế này.

Điều 2: Tất cả các tổ chức, đơn vị quốc doanh và ngoài quốc doanh sau đây, khi thực hiện các công việc, công trình xây dựng, trong phạm vi nguồn vốn nói ở Điều 1, đều thuộc đối tượng thực hiện Quy chế về hợp đồng kinh tế trong xây dựng cơ bản.

2.1 Các tổ chức giao thầu và nhận thầu là các đơn vị quốc doanh hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân đầy đủ.

2.2 Các tổ chức nhận thầu ngoài quốc doanh (tập thể, tư nhân, công ty cổ phần...) có đăng ký hành nghề, được phép kinh doanh các công việc trong xây dựng cơ bản.

2.3 Các chủ đầu tư (hoặc các ban quản lý công trình được chủ đầu tư uỷ nhiệm hợp pháp), cơ quan sự nghiệp, trường học, viện nghiên cứu...

Điều 3. Các đối tượng không quy định trong Điều 2 của bản Quy chế này, nếu có sự thoả thuận của các bên có quan hệ hợp đồng kinh tế cũng áp dụng bản Quy chế này, nhưng phải ghi rõ trong hợp đồng kinh tế.

CHƯƠNG II

KÝ KẾT HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Điều 4. Trước khi thực hiện giao thầu hoặc sau khi trúng thầu (nếu thực hiện phương thức đấu thầu, các công việc, công trình nói ở Điều 1, các chủ thể đều phải ký kết hợp đồng kinh tế

bằng hình thức văn bản giữa bên giao thầu và bên nhận thầu nói ở Điều 2 bản Quy chế này.

Điều 5. Tên gọi các hợp đồng kinh tế nói ở Điều 4 bản Quy chế này được đặt như sau:

"Hợp đồng giao, nhận thầu (kèm theo tên công việc cụ thể nói ở Điều 1 bản Quy chế này)". Ví dụ: "Hợp đồng giao, nhận thầu thiết kế xây dựng công trình A".

Điều 6. Bên giao thầu nói trong bản Quy chế này là chủ đầu tư công trình ban quản lý công trình được thành lập hợp pháp theo đúng quy định trong Điều lệ quản lý xây dựng cơ bản; hoặc các đơn vị tổng thầu; nhận thầu chính thiết kế, khảo sát và nhận thầu chính xây lắp có công việc, công trình giao thầu lại cho các đơn vị nhận thầu phụ hoặc cho đơn vị nhận thầu lại. Đại diện của các chủ đầu tư hoặc các ban quản lý công trình ký hợp đồng kinh tế phải là những người có năng lực, trình độ và kinh nghiệm trong công tác quản lý xây dựng cơ bản.

Bên nhận thầu nói trong bản quy chế này là các tổ chức kinh tế quốc doanh hoạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân đầy đủ, có đăng ký kinh doanh và đăng ký hành nghề hợp pháp. Các đơn vị ngoài quốc doanh được phép kinh doanh các công việc trong xây dựng cơ bản, phải có vốn pháp định tối thiểu theo quy định. Khi nhận thầu một công việc, công trình đó kèm theo xác nhận của ngân hàng nơi mở tài khoản về số vốn hiện có đến thời điểm hợp đồng kinh tế, hoặc có giấy tờ hợp pháp xác nhận tài sản thế chấp.

Bên giao thầu chỉ được ký hợp đồng kinh tế với bên nhận thầu các công việc, công trình đúng với quy mô, phạm vi, loại công việc, công trình mà đơn vị nhận thầu được phép hành nghề và đăng ký kinh doanh.

Nghiêm cấm việc giao thầu hoặc giao thầu lại cho những đơn vị không đủ năng lực, trình độ và điều kiện thực hiện công việc giao thầu và nghiêm cấm việc không ký hợp đồng khi giao thầu lại.

Điều 7: Hợp đồng kinh tế về giao thầu, nhận thầu xây dựng phải tuân thủ các nguyên tắc ký kết hợp đồng kinh tế đã được quy định trong Pháp lệnh hợp đồng kinh tế: về người đại diện các bên, sự uỷ quyền trong ký kết hợp đồng kinh tế, nội dung bản hợp đồng kinh tế, hiệu lực cũng như các quy định về thanh toán, thanh lý, thanh tra...

Điều 8: Hợp đồng kinh tế trong xây dựng cơ bản gồm những loại sau đây:

8.1 Hợp đồng tổng thể dài hạn: được ký kết giữa bên giao thầu (chủ đầu tư công trình, ban quản lý công trình) với tổ chức tổng thầu hoặc tổ chức nhận thầu chính thiết kế, xây lắp. Đối

tượng của loại hợp đồng này là những công việc, công trình, liên hiệp công trình có thời gian thực hiện nhiều năm. Trong trường hợp này các bên giao thầu và nhận thầu phải ký hợp đồng cụ thể ngắn hạn cho những công việc, công trình thực hiện trong từng năm.

8.2 Hợp đồng cụ thể ngắn hạn: được ký trực tiếp giữa bên giao thầu với đơn vị nhận thầu. Đối tượng của loại hợp đồng này là những công việc, công trình có đủ hồ sơ thiết kế, dự toán và có thời gian thực hiện dưới một năm.

8.3 Việc ký kết hợp đồng kinh tế giao nhận thầu xây dựng giữa tổ chức tổng thầu xây dựng hoặc các tổ chức nhận thầu chính với các tổ chức nhận thầu phụ, nhận thầu cũng phải tuân theo các quy định của Quy chế này.

8.4 Những đối tượng xây dựng chỉ có một công việc, một công trình (một sản phẩm cụ thể) hoặc các công trình dưới hạn ngạch thì bên giao thầu chỉ được ký hợp đồng kinh tế với một tổ chức nhận thầu có đủ năng lực, điều kiện thực hiện toàn bộ công việc đó, không ký trực tiếp với nhiều đơn vị nhận thầu.

Điều 9. Nội dung bản hợp đồng kinh tế trong xây dựng cơ bản gồm các điều khoản chủ yếu sau đây:

9.1. Địa điểm, ngày tháng năm ký hợp đồng.

9.2. Tên, địa chỉ của đơn vị, số hiệu tài khoản và ngân hàng giao dịch của mỗi bên.

Số hiệu, ngày, tháng, năm văn bản xác nhận vốn đầu tư của công việc, công trình của bên giao thầu (chủ đầu tư). Số hiệu, ngày tháng năm văn bản xác nhận vốn lưu động, vốn cố định hoặc tài sản thế chấp của bên nhận thầu có đến thời điểm ký hợp đồng kinh tế.

9.3. Họ, tên, chức vụ người đại diện ký hợp đồng kinh tế của mỗi bên, nếu là người được uỷ quyền phải có giấy uỷ quyền hợp pháp và phải đính kèm theo hợp đồng kinh tế.

9.4. Nội dung công việc giao thầu và nhận thầu: nêu rõ tên công việc, công trình; quy cách tiêu chuẩn chất lượng, số lượng của từng công việc, từng công trình. Những hợp đồng kinh tế bao gồm nhiều công việc, nhiều hạng mục công trình thì phải ghi rõ thành phần, quy cách, chất lượng, số lượng từng công việc, từng hạng mục công trình.

9.5. Các yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng sản phẩm; yêu cầu và trình tự, thủ tục thanh lý hợp đồng.

9.6. Điều kiện và thời hạn mà bên giao thầu giao các tài liệu cần thiết cho việc tiến hành khảo sát, thiết kế, lập luận chứng kinh tế kỹ thuật; cũng như thời hạn, điều kiện giao mặt bằng xây dựng, hồ sơ thiết kế, dự toán, các loại vật tư, thiết bị phải lắp đặt do bên giao thầu chịu trách nhiệm cung cấp cho bên nhận thầu.

9.7. Giá trị của hợp đồng: nêu rõ căn cứ để xác định giá trị hợp đồng kinh tế và giá trị của toàn bộ hợp đồng.

9.8. Thời hạn thực hiện hợp đồng: nêu rõ thời gian bắt đầu và kết thúc công việc, từng công trình và của toàn bộ hợp đồng.

9.9. Các quy định về nghiệm thu, bàn giao sản phẩm nêu rõ tiến độ, lịch trình nghiệm thu, bàn giao từng công việc, từng công trình và của toàn bộ hợp đồng.

9.10. Phương thức thanh toán: nêu điều kiện và phương thức thanh toán (tiền mặt, séc hoặc vật tư hàng hoá) đối với các sản phẩm xây dựng theo quy định của Nhà nước.

Trong quá trình thanh toán cần quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn của mỗi bên khi không thực hiện đúng lịch trình, điều kiện và phương thức thanh toán đã ghi trong hợp đồng hợp đồng.

9.11. Quy định về bảo hành sản phẩm: nêu rõ trách nhiệm của từng bên trong việc bảo hành từng công việc, từng công trình cũng như bảo hành toàn bộ sản phẩm sau khi bàn giao.

9.12. Quy định về thưởng, phạt trong quá trình thực hiện hợp đồng kinh tế.

9.13. Những quy định về thanh lý hợp đồng kinh tế.

9.14. Những thoả thuận khác về các điều kiện đặc biệt khi thực hiện hợp đồng kinh tế.

Nội dung bản hợp đồng kinh tế trong xây dựng cơ bản, không được trái với các nội dung đã quy định trong Pháp lệnh hợp đồng kinh tế; đồng thời phải phù hợp với các quy định về quản lý chất lượng, giá cả, thanh toán, bảo hành... các sản phẩm xây dựng do các cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Điều 10. Về nội dung, số lượng, khối lượng công việc ghi trong hợp đồng phải thể hiện các đặc thù của sản xuất, sản phẩm xây dựng.

10.1. Đối với công tác khảo sát xây dựng: phải căn cứ vào phương án khảo sát được duyệt, quy trình công nghệ khảo sát và mục đích khảo sát.